

Số: 63 /2011/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 12 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc Quy định mức chi đặc thù đảm bảo cho các
nội dung kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy
phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12/4/2010 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 122/2011/TTLT-BTC-BTP ngày 17/8/2011 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị quyết số 30/2011/NQ-HĐND ngày 12/12/2011 của HĐND tỉnh Thái Nguyên khóa XII, kỳ họp thứ 3 về việc Quy định mức thu một số loại phí, lệ phí; mức chi đặc thù đảm bảo cho các nội dung kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật; chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao thành tích cao thuộc tỉnh Thái Nguyên;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 1747/TTr-STC ngày 19/12/2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức chi đặc thù đảm bảo cho các nội dung kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

(Có Phụ biểu tiết kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Những nội dung không quy định trong Quyết định này được thực hiện theo nội dung Thông tư liên tịch số 122/2011/TTLT-BTC-BTP ngày 17/8/2011 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, Ban, Ngành của tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Thái Nguyên, thị xã Sông Công và các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01/01/2012./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
 - Bộ Tư pháp;
 - TT Tỉnh uỷ;
 - TT HĐND tỉnh TN;
 - Mặt trận Tổ quốc tỉnh TN;
 - Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh TN;
 - Trung tâm Thông tin tỉnh TN;
 - Như Điều 3 (Thực hiện);
 - CT, PCT UBND tỉnh TN;
 - Lưu: VT, KHTH, NC;
- (VN/T12/60/35b).

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH.**

Dương Ngọc Long

PHỤ BIỂU
Quy định mức chi đặc thù đảm bảo cho các
nội dung kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy
phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

*(Kèm theo Quyết định số: 63 /2011/QĐ-UBND ngày 20 /12/2011
của UBND tỉnh Thái Nguyên)*

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
1	Chi cho các thành viên tham gia họp, hội thảo, tọa đàm để trao đổi nghiệp vụ kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản; họp xử lý kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản theo yêu cầu, kế hoạch (bao gồm cả xử lý văn bản tại cơ quan được kiểm tra); họp bàn về kế hoạch kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật tại cơ quan kiểm tra.		
a	Chủ trì cuộc họp.	Người/buổi	150.000
b	Các thành viên tham dự.	Người/buổi	100.000
2	Chi lấy ý kiến chuyên gia đối với văn bản thuộc chuyên ngành, lĩnh vực chuyên môn phức tạp.	01 báo cáo /01 văn bản	450.000
3	Chi hỗ trợ cán bộ, công chức làm công tác kiểm tra văn bản.	01 văn bản	80.000
4	Chi thù lao cộng tác viên kiểm tra văn bản.		
a	Mức chi chung.	01 văn bản	100.000
b	Đối với văn bản thuộc chuyên ngành, lĩnh vực chuyên môn phức tạp.	01 văn bản	200.000
5	Chi soạn thảo, viết báo cáo.		
a	Báo cáo đánh giá về văn bản trái pháp luật.	01 báo cáo	200.000
b	Báo cáo kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản theo chuyên đề, địa bàn, theo ngành, lĩnh vực (bao gồm cả báo cáo liên ngành và báo cáo của từng Bộ, ngành, địa phương).	01 báo cáo	800.000
	- Trường hợp phải thuê các chuyên gia bên ngoài cơ quan.	01 báo cáo	1.000.000
c	Báo cáo hàng năm, đột xuất về công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên toàn quốc.	01 báo cáo	3.000.000
6	Chi công bố kết quả xử lý văn bản trái pháp luật, kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản trên các phương tiện thông tin đại chúng.		Mức chi được thực hiện theo chứng từ chi hợp pháp
7	Chi xây dựng hệ cơ sở dữ liệu phục vụ cho công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản.		

a	Chi rà soát, xác định văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn đang có hiệu lực tại thời điểm kiểm tra văn bản để lập hệ cơ sở dữ liệu, làm cơ sở pháp lý phục vụ công tác kiểm tra văn bản; rà soát, hệ thống hóa văn bản theo quy định tại điểm a, khoản 3, Điều 62, Nghị định số 24/2009/NĐ-CP ngày 05/3/2009 của Chính phủ.	01 văn bản	80.000
b	Chi thu thập, phân loại, xử lý thông tin, tư liệu, tài liệu, dữ liệu, văn bản, trang bị sách, báo, tạp chí ... phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.		
-	Đối với việc thu thập những thông tin, tư liệu, tài liệu, dữ liệu, sách báo, tạp chí.		Được thực hiện theo chứng từ chi hợp pháp
-	Đối với việc phân loại, xử lý thông tin, tư liệu, tài liệu, văn bản mà không có mức giá xác định sẵn (Khoản chi này không áp dụng đối với việc thu thập các văn bản quy phạm pháp luật đã được cập nhật trong các hệ cơ sở dữ liệu điện tử của cơ quan, đơn vị hoặc đăng trên Công báo).	01 tài liệu (01 văn bản)	50.000
8	Chi cho các hoạt động in ấn, chuẩn bị tài liệu, thu thập các văn bản thuộc đối tượng kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản.		Được thực hiện theo chứng từ chi hợp pháp
9	Đối với các khoản chi khác: Làm đêm, làm thêm giờ, chi phí in ấn, chuẩn bị tài liệu và văn phòng phẩm...		Căn cứ vào hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp theo quy định hiện hành và được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán trước khi thực hiện làm căn cứ quyết toán kinh phí.